TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **535/**2019/DS-ST
Ngày: 27-11-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Minh Tường.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thanh Vân.
2. Bà Nguyễn Thị Năm.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2019/TLST- DS ngày 10 tháng 7 năm 2019 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Bích Ph**, sinh năm 1976 (Có mặt);
Địa chỉ thường trú: Số S đường T, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà **Trần Vương Th**, sinh năm 1971 (Vắng mặt);
Địa chỉ thường trú: Số U đường V, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Vương Thanh Trúc,** sinh năm 1969 (Có mặt);
Địa chỉ thường trú: Số S đường T, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Thái Bá Khuê**, sinh năm 1972 (Có mặt);
Thường trú: Số X. K3, phường Y, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
Địa chỉ tạm trú/ liên lạc (chỗ ở hiện nay): Số U đường V, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, bà Lê Bích Ph (sau đây gọi tắt là bà Ph) có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa án

giải quyết buộc bà Trần Vương Thúy (sau đây gọi tắt là bà Th) phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán (phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ) số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) không tính lãi.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Ph trình bày:

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, vợ chồng bà Ph (bà Ph và ông Vương Thanh Tr) có cho bà Th vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) với thời hạn vay là 01 (Một) năm phải trả gốc; hai bên thỏa thuận mức lãi suất hàng tháng với số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)/ 01 tháng. Bà Ph là người trực tiếp giao tiền cho bà Th nhận đủ; sau khi nhận đủ tiền vay, bà Th có viết và ký giấy nhận nợ có nội dung: *"Hôm nay ngày 28/2/2019 chị có mượn vợ chồng anh Tr số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) thời hạn 01 (Một) năm sẽ trả lại cho anh Tr mỗi tháng chị trả cho anh Tr là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).* Thực hiện thỏa thuận, bà Th có trả cho vợ chồng bà Ph được 02 (Hai) tháng tiền lãi là tháng 3 và tháng 4 năm 2019 mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Từ tháng 5 năm 2019 đến nay thì bà Th không trả cho vợ chồng bà Ph được khoản tiền nào. Bà Ph đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà Th trả nợ nhưng không gặp, bà Ph cũng đã gửi thông báo đòi nợ qua bưu điện cho bà Th nhưng đến nay bà Th vẫn không trả nợ cho vợ chồng bà Ph. Bà Th đã vi phạm cam kết về nghĩa vụ trả lãi. Do đó bà Ph đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Th phải trả lại cho vợ chồng bà Th số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nợ gốc và không tính lãi. Bà Ph xác nhận là bà và ông Vương Thanh Tr (sau đây gọi tắt là ông Tr) là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn; khoản tiền cho bà Th vay là tài sản chung vợ chồng của bà và ông Tr.

Tại bản tự khai ngày 01 tháng 11 năm 2019, bị đơn là bà Th trình bày:

Bà Th xác nhận có vay (có mượn nợ) số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) của vợ chồng bà Ph và ông Tr, thời hạn vay là 01 (Một) năm) với tiền lãi mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo giấy mượn nợ mà bà đã viết và ký nhận nợ vào ngày 28 tháng 02 năm 2019; bà Th đã nhận đủ tiền vay. Bà Th đã trả cho vợ chồng bà Ph và ông Tr được 02 (Hai) tháng tiền lãi là tháng 3 và tháng 4 năm 2019; kể từ tháng 5 năm 2019 đến nay, do làm ăn khó khăn và buôn bán thua lỗ nên bà Th không có khả năng trả lãi và gốc cho vợ chồng bà Ph và ông Tr. Bà Th còn nợ của vợ chồng bà Ph và ông Tr số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), đây là khoản nợ riêng cá nhân của bà Th tự mượn nợ, không phải là khoản nợ chung của vợ chồng của bà và ông Thái Bá Kh (sau đây gọi tắt là ông Kh). Số tiền này bà vay để sử dụng vào việc riêng cá nhân, việc bà vay tiền thì ông Kh không biết. Bà Th đồng ý trả nợ số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho bà Ph và ông Tr. Bà Th xác nhận là bà và ông Kh là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Bà Th không có yêu cầu phản tố trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 7 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tr trình bày:

Ông Tr xác nhận ông và bà Ph là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn; ông và bà Ph có cho bà Th vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) với thời hạn vay là 01 (Một) năm phải trả gốc. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Bà Ph là người trực tiếp giao tiền cho bà Th nhận đủ; sau khi nhận đủ tiền vay thì bà Th có viết và ký giấy nhận nợ có nội

dung: *"Hôm nay ngày 28/2/2019 chị có mượn vợ chồng anh Tr số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) thời hạn 01 (Một) năm sẽ trả lại cho anh Tr mỗi tháng chị trả cho anh Tr là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).* Thực hiện thỏa thuận, bà Th có trả được cho vợ chồng ông được 02 (Hai) tháng tiền lãi là tháng 3 và tháng 4 năm 2019 mỗi tháng trả lãi được số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Từ tháng 5 năm 2019 đến nay thì bà Th không trả cho vợ chồng ông được khoản tiền nào. Vợ của ông Tr là bà Ph đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà Th trả nợ nhưng không gặp, bà Ph cũng đã gửi thông báo đòi nợ qua bưu điện cho bà Th nhưng đến nay bà Th vẫn không trả nợ cho vợ chồng ông được khoản tiền nào. Bà Th đã vi phạm cam kết về nghĩa vụ trả lãi, nên ông Tr yêu cầu Tòa án buộc bà Th phải trả lại cho vợ chồng ông số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) không tính lãi. Ông Tr xác nhận khoản tiền cho bà Th vay là tài sản chung vợ chồng của ông và bà Ph; ông Tr không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 25 tháng 7 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Kh trình bày:

Ông Kh xác nhận ông và bà Th là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Việc vay nợ tiền giữa bà Th với vợ chồng bà Ph và ông Tr như thế nào thì ông không được biết; bà Th không nói cho ông biết việc vay nợ này, khi bà Ph đến nhà đòi nợ thì ông Kh mới biết việc bà Th có vay tiền của bà Ph và ông Tr với số tiền như bà Ph nói là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Việc vay nợ của bà Th với bà Ph và ông Tr là việc cá nhân của bà Th, không liên quan đến ông. Khoản nợ này là nợ riêng của bà Th, đây không phải là nợ chung vợ chồng; bà Th sử dụng tiền vay vào việc gì thì ông Kh không được biết; bà Th không sử dụng tiền vay vào mục đích chi tiêu sinh hoạt hay mua sắm tài sản cho gia đình. Số tiền vay bà Th sử dụng vào mục đích cá nhân của bà Th. Ông Kh không đồng ý cùng với bà Th trả khoản nợ này vì ông không vay nợ tiền của bà Ph và ông Tr. Bà Th vay tiền của bà Ph và ông Tr thì bà Th phải có trách nhiệm tự mình trả nợ; ông Kh không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là bà Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày thêm: Khi hỏi vay tiền, bà Th có nói với bà Ph là chị vay tiền của vợ chồng em là để trả tiền chữa bệnh cho mẹ ở dưới quê và có dặn bà Ph là không nên nói cho ông Kh biết việc vay nợ tiền giữa bà Th với vợ chồng bà Ph và ông Tr; nếu để cho ông Kh biết thì gia đình bà Th sẽ không được yên ổn, mất hạnh phúc. Bà Ph chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Th trả lại số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho vợ chồng bà, không yêu cầu trả lãi trong khoảng thời gian kể từ tháng 5 năm 2019 cho đến ngày bà và ông Tr có đơn yêu cầu thi hành án. Bà Ph yêu cầu cá nhân bà Th trả nợ một lần số tiền còn nợ nêu trên, không yêu cầu ông Kh liên đới trả nợ.

Bị đơn là bà Th vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của bà Th tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tr yêu cầu Tòa án buộc bà Th trả lại số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho vợ chồng ông,

không yêu cầu trả lãi trong khoảng thời gian kể từ tháng 5 năm 2019 cho đến ngày ông và bà Ph có đơn yêu cầu thi hành án. Ông Tr yêu cầu cá nhân bà Th trả nợ một lần số tiền còn nợ nêu trên, không yêu cầu ông Kh liên đới trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Kh xin giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Ông Kh không đồng ý liên đới cùng bà Th trả khoản nợ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho vợ chồng ông Tr và bà Ph, vì khoản nợ này không phải là nợ chung của vợ chồng mà là khoản nợ riêng của bà Th.

Về việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Bà Th vắt mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn chị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án như: Về trình tự thủ tục khởi kiệ và thụ lý vụ án; Về việc xác định quan hệ pháp luật; Về thẩm quyền giải quyết; Về thời hạn giải quyết; Về thời hạn Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu tham gia phiên tòa; Về việc cấp, tống đạt và giao nhận văn bản tố tụng dân sự của Tòa án; Việc mở phiên họp họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nội dung hòa giải đúng quy định của pháp luật (Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39, 170, 171, 177, 195, 196, 197, 198, 203 và 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và các Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, thời hiệu giải quyết vụ án và thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:

- *Về quan hệ tranh chấp:* Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn theo quy định tại các Điều 184 và 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Bà Th là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Ph đã cung cấp cho Tòa án bản chính Giấy mượn nợ do bà Th ký ngày 28/02/2019. Bà Ph xác nhận số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) mà bà đưa cho bà Th vay là tài sản chung vợ chồng của bà và ông Tr, bà yêu cầu cá nhân bà Th phải trả nợ, không yêu cầu ông Kh liên đới trả nợ.

Bị đơn là bà Th có đến Tòa án tự khai và xác nhận có vay (mượn nợ) số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) của vợ chồng bà Ph và ông Tr, bà Th đồng ý trả nợ cho bà Ph và ông Tr; bà Th xác nhận đây là khoản nợ riêng của bà không phải nợ chung của vợ chồng.

Ông Tr xác nhận số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) mà bà Ph đưa cho bà Th vay là tài sản chung vợ chồng của ông và bà Ph, ông yêu cầu cá nhân bà Th phải trả nợ, không yêu cầu ông Kh liên đới trả nợ.

Ông Kh không đồng ý liên đới cùng bà Th trả nợ cho bà Ph và ông Tr vì không phải nợ chung của vợ chồng.

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Bà Th có vay của vợ chồng bà Ph và ông Tr số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo Giấy mượn nợ do bà Th ký ngày 28 tháng 02 năm 2019 là có thật, đây là khoản nợ riêng của bà Th.

Bà Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi, trước khi khởi kiện bà Ph đã gửi thông báo đòi nợ cho bà Th, nên bà Th phải trả lại tiền vốn vay (tiền nợ gốc) cho bà Ph và ông Tr theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Ph và ông Tr đã tự nguyện không yêu cầu bà Th phải trả tiền lãi kể từ tháng 5 năm 2019 cho đến ngày bà Ph và ông Tr có đơn yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện này của bà Ph và ông Tr được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự có giá ngạch với số tiền án phí phải chịu là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 48, 92, 144, 145, 147, 150, 184, 185, 203, 227, 228, 232, 235, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 357, 385, 398, 399, 400, 401, 409, 429, 463, 464, 465, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Bích Ph.

Buộc bà Trần Vương Th phải thanh toán (phải trả nợ) cho bà Lê Bích Ph và ông Vương Thanh Tr số tiền nợ gốc là **100.000.000 đồng** (Một trăm triệu đồng) theo Giấy mượn nợ do bà Trần Vương Th ký ngày 28 tháng 02 năm 2019.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Bích Ph và ông Vương Thanh Tr về việc bà Lê Bích Ph và ông Vương Thanh Tr không yêu cầu bà Trần Vương Th trả tiền lãi trong khoảng thời gian kể từ tháng 5 năm 2019 cho đến ngày bà Lê Bích Ph và ông Vương Thanh Tr có đơn yêu cầu thi hành án.

Việc thanh toán tiền do bà Trần Vương Th và bà Lê Bích Ph, ông Vương Thanh Tr tự thực hiện hoặc được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự (Chi cục Thi hành án dân sự) có thẩm quyền.

Trường hợp bà Trần Vương Th không thanh toán khoản tiền nêu trên cho bà Lê Bích Ph và ông Vương Thanh Tr thì bà Lê Bích Ph và ông Vương Thanh Tr có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự (Chi cục Thi hành án dân sự) có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Bích Ph và ông Vương Thanh Tr, nếu bà Trần Vương Th không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Trần Vương Th còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả để trả cho bà Lê Bích Ph và ông Vương Thanh Tr theo quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Trần Vương Th phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Bà Lê Bích Ph được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0019929 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo và việc thi hành bản án:

Án xử công khai, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt có lý do chính đáng.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết (kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 8;
- Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8;
- Lưu Văn phòng và Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tường